

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 635/2017/HNGĐ-PT

Ngày 17-7-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Hạnh

Các Thẩm phán: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt
Bà Trần Thị Nhung

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trường An - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Diễm
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 tháng 7 năm 2017 và ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2017/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017 về việc ly hôn.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 333/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 450/2017/QĐ-PT ngày 19 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị V, sinh năm 1977.

Địa chỉ: 368/7-2-7 Chung cư 368/7 Phan Văn T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Vũ Hồng P, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 368/7-2-7 Chung cư 368/7 Phan Văn T, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn – ông Vũ Hồng P.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 10 năm 2016 và tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là bà Phạm Thị V trình bày:

Bà và ông Vũ Hồng P tự nguyện chung sống, kết hôn vào năm 2006 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 216, quyển số 02/2006, ngày 13/11/2006 do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn đỉnh điểm là vào năm 2012 sau khi sinh con thứ hai, ông P không lo cho gia đình, lăng nhăng bên ngoài, không hòa hợp với gia đình vợ. Năm 2012 bà đã nộp đơn ly hôn sau đó bà rút đơn để gia đình hòa giải. Nay tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà và ông P có hai người con chung là Vũ Hồng Ngọc K, sinh ngày 23/03/2007 (giới tính nữ) và Vũ Hải Duy T, sinh ngày 21/08/2011 (giới tính nam), bà yêu cầu nuôi cả hai con chung, ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà yêu cầu tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Vũ Hồng P trình bày:

Việc chung sống và tạo lập cuộc sống chung vợ chồng đúng như bà V trình bày nhưng mâu thuẫn xảy ra từ năm 2015 nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế và thái độ coi thường của bà V cũng như hành xử không đúng mực với gia đình. Ông xác nhận cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà V mâu thuẫn trầm trọng nhưng vì con ông mong muốn bà V cùng ông thay đổi hành vi để các con có cuộc sống chung vui về hạnh phúc. Nếu bà V cương quyết ly hôn thì ông chấp nhận.

Về con chung: Ông xác nhận có hai người con chung như bà V trình bày. Trong trường hợp phải ly hôn ông yêu cầu nuôi cả hai con nhưng tôn trọng ý kiến của con, ông đồng ý giao trẻ K cho bà V nuôi và nhận nuôi trẻ T, các bên không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bà V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đã trình bày.

Ông P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà V; Yêu cầu nuôi cả hai con chung và bà V cấp dưỡng nuôi hai con là 2.500.000 đồng/tháng, tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa phát biểu: Vụ án thụ lý, giải quyết đúng theo trình tự tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị V được ly hôn với ông Vũ Hồng P; Giao hai con chung cho bà V nuôi và ông P cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng là 2.500.000 đồng; Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận nên không xét.

Tại bản án sơ thẩm số 333/2017/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; 54; 56; 57; 58; 59; 81; 82; 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Khoản 8 và Khoản 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị V.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị V được ly hôn ông Vũ Hồng P (Giấy chứng nhận kết hôn số 216, quyển số 02/2006 của Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/11/2006 hết hiệu lực pháp luật).

Về con chung: Giao 02 con chung tên là Vũ Hồng Ngọc K, sinh ngày 23/03/2007 và Vũ Hải Duy T, sinh ngày 21/08/2011 cho bà Phạm Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ông Vũ Hồng P cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng là 1.250.000 đồng – 02 con là 2.500.000 đồng/tháng kể từ khi quyết định có hiệu lực thi hành.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông P chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông P còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 200.000

đồng theo biên lai thu số AA/2014/00017261 ngày 10/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Về án phí cấp dưỡng: Ông Vũ Hồng P phải chịu là 200.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án theo luật định.

Ngày 05/04/2017, bị đơn là ông Vũ Hồng P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm về việc ly hôn và việc giao quyền nuôi hai con chung cho bà V.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là ông P trình bày kháng cáo cụ thể: Tại Tòa sơ thẩm do ông không đồng ý ly hôn nên ông không cung cấp chứng cứ liên quan đến nghề nghiệp và chỗ ở của ông. Nay tại phiên tòa ông xin thay đổi yêu cầu kháng cáo, kháng cáo một phần bản án án sơ thẩm, cụ thể: Đồng ý ly hôn với bà V và yêu cầu nuôi con chung là trẻ Vũ Hải Duy T, sinh ngày 21/08/2011; Đồng ý giao trẻ Vũ Hồng Ngọc K, sinh ngày 23/03/2007 cho bà V trực tiếp nuôi dạy; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn là bà V trình bày: Công việc bà ổn định, có thu nhập cao đảm bảo nuôi cả hai con chung, sau khi ly hôn bà sẽ thuê nhà cho ba mẹ con cùng sinh sống, bà không đồng ý giao con chung là trẻ T cho ông P trực tiếp nuôi dạy, do tính tình của ông P nóng nảy sợ ảnh hưởng đến tâm lý của con. Tại phiên tòa bà xác nhận bà và ông P trong thời gian chung sống cả hai đều có trách nhiệm và chăm sóc con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận G đưa vụ án ra xét xử ngày 23/03/2017, đến ngày 07/04/2017 ông P kháng cáo. Căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự kháng cáo trong hạn luật định.

Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Sửa một phần bản án sơ thẩm: Giao con chung là trẻ Vũ Hải Duy T, sinh ngày 21/08/2011 cho ông P trực tiếp nuôi dạy, bà V trực tiếp nuôi trẻ Vũ Hồng Ngọc K, sinh ngày 23/03/2007, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Các phần khác của bản án sơ thẩm giữ nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của ông Vũ Hồng P làm trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

Về nội dung kháng cáo:

Về hôn nhân: Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vũ Hồng P thay đổi ý kiến, đồng ý ly hôn với yêu cầu khởi kiện của bà V, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của hai bên đương sự.

Về con chung :

Tại phiên tòa ông P yêu cầu nuôi con chung là trẻ Vũ Hải Duy T, đồng ý giao cho bà V nuôi trẻ Vũ Hồng Ngọc K, cả hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông P cung cấp chứng cứ mới hiện ông đang có việc làm ổn định là dạy anh ngữ trên mạng, đã ký hợp đồng thuê khoán chuyên môn với Công ty Cổ phần Giáo dục T và hợp đồng lao động với Công ty Trách nhiệm Thương mại và Du lịch H; Bên cạnh đó bà V xác nhận sau khi ly hôn bà và con ra ngoài thuê nhà sinh sống, ông P tiếp tục sống tại căn nhà hiện gia đình đang sinh sống. Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án cho thấy cả hai ông P và bà V đều có công việc ổn định, đều có trách nhiệm và khả năng nuôi dạy con. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi và phát triển bình thường của hai con cần thiết phải giao trẻ T cho ông P nuôi dạy và trẻ K giao cho bà V nuôi dạy, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Tại Tòa sơ thẩm hai bên không yêu cầu giải quyết, tại tòa phúc thẩm không có yêu cầu kháng cáo nên hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009 thì bà V phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm, căn cứ vào Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, người kháng cáo là ông P không phải nộp án phí. Hoàn lại cho ông P 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm.

Với những chứng cứ kể trên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm với tình tiết mới bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 và Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2016.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2015.

- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn là ông Vũ Hồng P.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị V như sau:

1/ Về hôn nhân: Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phạm Thị V và ông Vũ Hồng P. Quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực thi hành. Giấy chứng nhận kết hôn số 216, quyển số 02/2006, ngày 13 tháng 11 năm 2006, do Ủy ban nhân dân Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam cấp không còn giá trị.

2/ Về nuôi dưỡng con chung:

Giao con chung là Vũ Hồng Ngọc K, sinh ngày 23/03/2007 (giới tính nữ) cho bà Phạm Thị V trực tiếp nuôi dạy. Giao con chung là Vũ Hải Duy T, sinh ngày 21/08/2011 (giới tính nam) cho ông Vũ Hồng P trực tiếp nuôi dạy; Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của người đó.

Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí:

4.1/ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị V phải nộp là 200.000 đồng, được trừ vào số tiền 200.000 đồng tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai số AA/2016/00017261 ngày 10/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ án phí.

4.2/ Án phí phúc thẩm: Ông Vũ Hồng P không phải nộp án phí. Hoàn lại cho ông P số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0018227 ngày 11/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận G;
- Chi cục THADS quận G;
- UBND Phường N, quận G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mỹ Hạnh